TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN EAKAR** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/KDTM-ST.
Ngày: 27/9/2019.
"*V/v:Tranh chấp hợp đồng mua bán xăng dầu"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Ngọc.

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Lê Khắc Dũng.

2/. Ông Nguyễn Quốc Vụ.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar:* Bà Trần Thị Minh Nguyệt – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2019/TLST-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2018; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2019/QĐST - DS ngày 01/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST – DS ngày 24/7/2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng mua bán xăng dầu*" và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2019/QĐST – KDTM ngày 15/8/2019 giữa:

**** Nguyên đơn:*** Ông Phùng Văn Th, chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại TS.

Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

1. Bà Phùng Thị Ph, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

2. Bà Phạm Thị Bích C. Sinh năm: 1987. (có mặt)

Địa chỉ: 69 Nguyễn Đức C, thành phố T, tỉnh Đăk Lăk.

****Bị đơn:*** Công ty TNHH xây dựng DN.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Phan Văn G** – Giám đốc.

Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trương Đình C.

Địa chỉ: Thôn 7B, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

2. Ông Hoàng Văn H.

Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

3. Ông Trần Minh T.

Địa chỉ: Thôn 8, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
4. Ông Nguyễn Minh T.
Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
5. Ông Đặng Văn H.
Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
6. Ông Đặng Văn Ch.
Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
7. Bà Phan Thị Thạch Th.
Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
8. Bà Phùng Thị V.
Địa chỉ: Thôn 12, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
9. Ông Bùi Văn T2.
Địa chỉ: Thôn 6A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)
10. Ông Nguyễn Văn N.
Địa chỉ: Thôn 4, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai, các phiên hòa giải người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phùng Thị P, bà Phạm Thị Bích C trình bày:

Giữa Doanh nghiệp tư nhân thương mại TS (gọi tắt là Doanh nghiệp TS) và Công ty TNHH xây dựng DN (gọi tắt là Công ty DN) do ông Phan Văn G là giám đốc có quan hệ với nhau, ông Phan Văn G là chồng bà Phùng Thị V, ông Phùng Văn Th là anh trai bà V, do ông G có làm xe cơ giới và xây dựng nên giữa các bên có mua bán xăng dầu cho nhau, việc làm ăn giữa Doanh nghiệp TS và Công ty DN bắt đầu từ năm 2016 – 2017, do có quan hệ quen biết nên giữa Doanh nghiệp TS với Công ty DN khi mua xăng dầu không có hợp đồng. Loại dầu hai bên mua bán với nhau là dầu DO, hình thức cụ thể mua bán thỏa thuận anh G là giám đốc đã liên hệ và giao cho các tài xế xe đến lấy dầu và ký nhận vào sổ của nhân viên bán hàng, người bán hàng là ông Nguyễn Văn N (kèm theo là sổ lưu nợ dầu đều có chữ ký và chữ viết của tài xế xe tải và chữ viết chữ ký của anh Giang người trả nợ), thời gian đầu các bên mua bán dầu thanh toán tiền cho nhau rất đầy đủ, nhưng đến khoảng tháng 09/2017 do vợ chồng ông G và bà V (em gái ông Phùng Văn Th) ly hôn nên việc mua bán giữa Doanh nghiệp TS và Công ty DN xảy ra trục trặc, Công ty DN không thanh toán tiền dầu cho Doanh nghiệp TS nữa, đến ngày 30/9/2017 các bên các bên có chốt sổ xác định Công ty DN còn nợ số tiền đổ dầu là 255.240.000 đồng. trong đó ông G đã trả được 100.000.000 đồng và còn nợ lại số tiền 155.240.000 đồng. có chữ ký chữ viết của ông Phan Văn G giám đốc Công ty DN.

Trong đó Doanh nghiệp TS đã xuất hóa đơn cho công ty DN từ ngày 17/7/2017 đến ngày 25/8/2017, nhưng công ty DN chưa thanh toán cho doanh nghiệp TS, cũng vì tin tưởng mối quan hệ ruột thịt trong nhà nên doanh nghiệp TS xuất hóa đơn trước cho Công ty DN để lập chứng từ, sổ sách, tổng cộng là 08 hóa đơn giá trị gia tăng, cụ thể:

1. Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 17/7/2017 xuất hóa đơn tổng số tiền 19.800.000 đồng trong đó Công ty DN đã thanh toán được 1.025.000 đồng, còn lại số tiền 18.775.000 đồng Công ty DN chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS.

2. Hóa đơn giá trị gia tăng số 809 ngày 23/7/2017 xuất hóa đơn tổng số tiền 19.691.000 đồng, số tiền mua hàng này Công ty DN chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS.

3. Hóa đơn giá trị gia tăng số 816 ngày 26/7/2017 xuất hóa đơn tổng số tiền 19.691.000 Công ty DN chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS.

4. Hóa đơn giá trị gia tăng số 821 ngày 28/7/2017 xuất hóa đơn tổng số tiền 19.691.000 đồng, số tiền mua hàng này Công ty DN chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS.

5. Hóa đơn giá trị gia tăng số 828 ngày 31/7/2017 xuất hóa đơn tổng số tiền 19.012.000 đồng, số tiền mua hàng này Công ty DN chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS.

6. Hóa đơn giá trị gia tăng số 837 ngày 04/8/2017 xuất hóa đơn tổng số tiền 19.012.000 đồng, số tiền mua hàng này Công ty DN chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS.

7. Hóa đơn giá trị gia tăng số 858 ngày 14/8/2017 xuất hóa đơn tổng số tiền 19.684.000 đồng, số tiền mua hàng này Công ty DN chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS.

8. Hóa đơn giá trị gia tăng số 881 ngày 25/8/2017 xuất hóa đơn tổng số tiền 19.684.000 đồng, số tiền mua hàng này Công ty DN chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS.

Còn lại số tiền 37.200.000 đồng tiền mua bán dầu DO, công ty DN chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS, và Doanh nghiệp TS chưa xuất hóa đơn đối với số tiền mua hàng công ty DN chưa trả. Việc mua bán dầu thể hiện qua những lần công ty DN cho tài xế đến đổ dầu tại doanh nghiệp TS, từ ngày 05/10/2017 đến ngày 21/10/2017 tài xế Thắng và tài xế Giang đến đổ dầu và ký sổ số tiền mua dầu DO là 18.200.000 đồng, ngày 10/10/2017 và ngày 13/10/2017 tài xế Hoàng (Tèo) đến đổ dầu và ký sổ, tổng số tiền dầu là 7.000.000 đồng, ngày 06/10/2017 và ngày 14/10/2017 tài xế Tuấn và tài xế Toàn đến đổ dầu và ký sổ, tổng số tiền dầu DO là 8.000.000 đồng, số tiền dầu DO ông Chương đổ là 4.000.000 đồng (đối với số tiền này xác nhận đã cộng vào số tiền 155.240.000 đồng rồi) nên không yêu cầu công ty DN phải trả số tiền này.

Như vậy tổng số tiền công ty DN còn chưa thanh toán cho doanh nghiệp TS là 192.440.000 đồng – 4.000.000 đồng = 188.440.000 đồng, và tôi yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền mua dầu DO Công ty DN còn chưa thanh toán cho chúng tôi với lãi suất 1%/01 tháng kể từ ngày Doanh nghiệp TS nộp đơn khởi kiện cho đến khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

*** Tại Bản tự khai, các biên bản đối chất, hòa giải đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phan Văn G trình bày:**

Tôi là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH DN. Qua trình bày trên của đại diện theo ủy quyền của Doanh nghiệp TS tôi không đồng ý.

Từ trước tới giờ công ty của tôi làm ăn với bất kể ai kể cả anh em ruột thịt trong gia đình, việc làm ăn mua bán dầu giữa Công ty với Doanh nghiệp và Công ty khác thì cần phải có hợp đồng, đóng dấu của Công ty và chữ ký của tôi. Công ty DN không nợ tiền dầu của Doanh nghiệp TS nữa.

Còn với số nợ do Doanh nghiệp TS cung cấp và khởi kiện thì tôi không biết, còn chữ ký chữ viết Giang vào chỗ ngày 30/9/2017 tại biên bản đối chất ngày 22/4/2019 tôi xác định là do tôi viết ra, nhưng do lâu quá rồi nay tôi không nhớ là tôi có viết hay không viết, còn đối với những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan gồm ông Trương Đình C; ông Hoàng Văn H; ông Trần Minh T; ông Nguyễn Minh T; ông Đặng Văn H; ông Đặng Văn C; ông Bùi Văn Th mà có ký sổ dầu của cây xăng TS, theo tôi được biết trong thời gian chung sống với bà Phùng Thị V. Tôi được biết bà Phùng Thị V có nhờ tôi đi thuê dùm 1 số xe để đi làm cho bà Phùng Thị V còn làm với ai thì tôi không biết và có cho xe lên đổ dầu trên đó. Ngoài ra tôi chẳng nhớ và chẳng biết gì.

Về việc xuất hóa đơn trên của Doanh nghiệp TS cho công ty DN thì tôi đã thanh toán đủ nên Kế toán của Doanh Nghiệp TS đã xuất hóa đơn đầy đủ, nên tôi xác định không có nợ tiền của Doanh nghiệp TS. Nếu như Công ty của tôi có nợ thì phải có hợp đồng nợ và đóng dấu của công ty chúng tôi, còn số nợ ở phần dưới do Doanh nghiệp TS yêu cầu tôi không biết. Xin Tòa án đừng triệu tập công ty của tôi nữa, Công ty tôi không có thời gian đối với việc này, vì thời gian của Công ty là để đi làm ăn nuôi mẹ già và hai con nhỏ.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị Thạch Th trình bày**:

Tôi và ông Phan Văn G là chỗ anh em họ với nhau, tức bố đẻ ra tôi là em của bố đẻ ra anh G. Còn tôi là vợ của ông Phùng Văn Th chủ Doanh nghiệp TS.

Tôi là kế toán của Doanh nghiệp TS từ năm 2015 cho đến nay. Trong thời gian tôi làm kế toán tôi có xuất 08 hóa đơn như người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và kê khai ở trên.

Trong khoảng thời gian từ ngày 17/7/2017 đến ngày 25/8/2017doanh nghiệp TS có xuất 08 hóa đơn cho Công ty DN với tổng số tiền là 155.240.000 đồng. Số tiền tôi xuất hóa đơn này thì Công ty DN chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS. Lý do tôi xuất hóa đơn là do chỗ làm ăn trong gia đình, việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng này để cho Công ty DN quyết toán, còn số tiền trên thì chưa trả. Còn việc xuất hóa đơn đỏ lúc trực tiếp lúc bán hàng qua điện thoại. 08 hóa đơn này tôi đã cung cấp đầy đủ cho công ty DN.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N trình bày**:

Qua phần trình bày trên của các bên tôi xác định tôi là người trực tiếp đổ dầu cho các tài xế làm việc cho Công ty DN do ông Phan Văn G làm giám đốc và những tài xế này khi đổ dầu đều ký vào sổ bán hàng của tôi. Hàng tháng trực tiếp anh G có xuống trả nợ tiền dầu cho Doanh nghiệp TS, tôi xác định Công ty DN còn nợ Doanh nghiệp TS với số tiền 188.440.000 đồng. Đề nghị Tòa án giải quyết yêu cầu Công ty DN phải trả lại số tiền nêu trên.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Minh T trình bày**: Tôi (T) không có quan hệ gì với ông Phan Văn Giang, ông Phùng Văn Th và từ trước tới nay

giữa chúng tôi không hề có mâu thuẫn, tôi là tài xế lái xe thuê cho Công ty DN từ đầu năm 2017 đến cuối năm 2017 tôi không lái xe cho Công ty DN nữa. Ông G thuê xe của tôi và tôi chạy xe chở vật liệu xây dựng cho ông G, xe là xe của tôi, ngày 06/10/2017 theo sự chỉ đạo của ông G, tôi có đến cây xăng của doanh nghiệp TS đổ dầu thay cho tài xế của xe, tôi xác định việc đổ dầu tại cây xăng dầu TS là do sự chỉ đạo của ông G còn tiền dầu chạy xe tôi và ông G đã thanh toán đầy đủ với nhau nên bản thân tôi không liên quan đến vụ án này.

*__Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn T trình bày__: Vào năm 2017, tôi có làm công cho Công ty DN do ông Phan Văn G làm chủ, theo sự chỉ đạo của anh G tôi có lấy dầu tại cây xăng TS vào ngày 17/6/2017 và ngày 20/6/2017 đổ cho xe để đi chở vật liệu, việc tôi lấy dầu là đúng sự thật, những lần tôi lấy xăng dầu đều ký vào sổ tôi xác định chữ ký là của tôi, vào năm này anh G là người trả tiền công cho tôi, tôi không làm việc với chị Vân vợ anh G. Tôi là người làm công không có liên quan gì đến việc này. Đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt tôi.

*__Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn C trình bày__: Vào năm 2017 tôi có xe biển số 20K- 5244 chạy cho Công ty DN do anh G làm giám đốc, đồng thời anh G có chỉ đạo tôi cho xe đến đổ dầu tại Doanh nghiệp TS và tôi có ký vào sổ lấy dầu của Doanh nghiệp TS và sẽ trừ tiền vào cuối hàng tháng và tôi có chỉ đạo tài xế Đặng Văn H điều khiển xe 20K- 5244 chạy xe cho Công ty DN đến đổ xăng dầu tại Doanh nghiệp TS, tôi xác định chữ ký, viết trong sổ ghi nợ dầu là của tôi. Số tiền dầu tôi nợ xác định đã thanh toán cho Công ty DN đầy đủ, còn việc làm ăn giữa Công ty DN và Doanh nghiệp TS như thế nào tôi không được biết. Tôi chỉ làm việc và theo sự chỉ đạo của ông Phan Văn G giám đốc Công ty DN chứ không làm việc hoặc theo sự chỉ đạo của ai khác và bản thân tôi không liên quan đến vụ án này.

*__Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn H trình bày:__

Tôi là tài xế lái xe thuê cho anh Trần Minh T, giữa tôi và anh Phan Văn G, anh Phùng Văn Th không có quan hệ gì với nhau, từ ngày 01/8 đến ngày 20/8 năm 2017, theo sự chỉ đạo của anh T, tôi có đổ dầu tại cây xăng của DNTN TS 04 lần và có ký tên xác nhận vào sổ mua bán của nhà Sinh Thân. Việc thanh toán tiền mua bán xăng dầu giữa anh T và doanh nghiệp Sinh Thân tôi không chịu trách nhiệm. Còn việc hợp tác làm ăn giữa anh T và anh G như thế nào tôi không biết.

* __Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Đình C trình bày:__ Tôi (C) không có quan hệ gì với hai nhà Sinh Thân và DN. Tôi là người làm công cho anh Phan Văn G. Tổng số tiền dầu tôi lấy theo sự chỉ đạo của anh Phan Văn G giám đốc Công ty DN tại cây xăng dầu của DNTN TS với số tiền là 7.900.000 đồng. Số dầu tôi đổ không liên quan đến tôi đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vắng mặt tôi.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Văn H trình bày**:

Tôi (H) không có quan hệ gì với ông Phan Văn G và ông Phùng Văn Th và từ trước tới nay giữa chúng tôi không hề có mâu thuẫn, tôi là tài xế lái xe thuê cho anh Đặng Văn C cũng là anh trai tôi, anh C là người làm việc trực tiếp về việc chở vật liệu thuê cho công ty DN. Việc tôi đổ xăng tại cây xăng DN theo sự chỉ đạo của anh C chủ xe, anh C và anh G làm việc như thế nào thì tôi không biết. Vào các ngày 17/9,

21/9, 10/10, 13/10 của năm 2017 tôi có đổ xăng tại cây xăng dầu của DNTNTM TS theo sự chỉ đạo của anh C, còn việc anh Chiến thỏa thuận như thế nào với công ty DN thì tôi không biết.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Minh T trình bày:**

Giữa tôi với các đương sự trong vụ án không có quan hệ gì và giữa chúng tôi không có mâu thuẫn, vào năm 2017 tôi có làm tài xế xe cho ông Phan Văn G nên vào các ngày 15/9; 18/9; 22/9; 14/10 tôi có đổ xăng dầu tại Doanh nghiệp TS theo sự chỉ đạo của ông Phan Văn G giám đốc Công ty DN, tôi xác định chữ ký, chữ viết là của tôi trong sổ do ông N bán xăng dầu lập. Hiện nay sự việc này không còn liên quan đến tôi nữa và tôi cũng không có yêu cầu gì.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị V trình bày:** Trước đây và trong năm 2017 tôi với ông Phan Văn G giám đốc Công ty DN là vợ chồng, tôi là em gái của ông Phùng Văn Th – Chủ Doanh Nghiệp TS, đến khoảng tháng 9/2017 tôi với ông Phan Văn G li hôn nhau, trong khoảng thời gian chung sống với nhau tôi không biết cũng không liên quan đến việc làm ăn của chồng tôi cũng như của Công ty DN, ông Phan Văn G xác nhận số nợ trên có liên quan đến tôi là không đúng, chồng tôi khai không đúng sự thực, tôi không liên quan đến tiền dầu, tiền trả công của Công ty DN và các công việc kinh doanh khác của ông G. Nay tôi xác định không liên quan đến tôi, tôi không có yêu cầu gì.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự và triệu tập các bên đương sự đến Toà án để tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Ngày 01/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng bà Phùng Thị P; ông Phan Văn G; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Đình C, ông Hoàng Văn H, ông Trần Minh T, ông Nguyễn Minh T, ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn C, bà Phan Thị Thạch Th, bà Phùng Thị V, ông Bùi Văn T, ông Nguyễn Văn N đều vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1, Điều 227; Khoản 2 Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ra quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay: Những người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc công ty TNHH xây dựng DN phải có trách nhiệm trả số tiền mua dầu chưa thanh toán là 188.440.000 đồng, và yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền mua dầu công ty DN còn chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS với lãi suất 1%/01 tháng kể từ ngày doanh nghiệp TS nộp đơn khởi kiện là ngày 24/7/2019 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn ông Phan Văn G vắng mặt tại phiên tòa; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trương Đình C, ông Hoàng Văn H, ông Trần Minh T, ông Nguyễn Minh T, ông Đặng Văn H, ông Đặng Văn C, bà Phan Thị Thạch Th, bà Phùng Thị V, ông Bùi Văn T, ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 và Điều 78 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn giải quyết vụ án vi phạm thời hạn xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các đương sự có lưu trong hồ sơ vụ án, xác định như sau:

theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn Th ngày 19/7/2018 và các tài liệu kèm theo thể hiện như sau: Năm 2017 Công ty DN đã mua dầu của doanh nghiệp TS với hình thức trả dần và cuối năm quyết toán. Ông G là giám đốc liên hệ và giao cho lái xe đến lấy dầu và ký vào sổ của nhân viên bán hàng là anh Nguyễn Văn N. Cuối năm, ông Th đã nhiều lần đến đòi nhưng ông G không trả. Do vậy, ông Th khởi kiện yêu cầu Công ty DN phải trả cho Doanh nghiệp TS số tiền nợ dầu là 192.440.000đ. Số tiền trên đươc ghi trong sổ của ông Thanh với nội dung: 30/9 cộng sổ:

1. Hi: 28/8- 26/9 = 26.550.000
2. Tèo: 26/8 – 21/9 = 10.700.000
3. Hải: 15/9 – 22/9 = 10.000.000
4. Chương: 4/9 = 4.000.000đ

nợ: 51.250.000
cũ: 203.990.000
còn nợ: 255.240.000.
30/9 giang trả: 100.000.000
Còn: 155.240.000.
Mới 37.200.000.

Cộng tổng nợ = 192.440.000

1. Hi: 5/10 = 18.200
2. Tèo: 10/10 = 7000
3. Tuấn: 6/10 = 8.000
4. Chương: 4.000

20/10 cộng nợ mới = 37.200

Quá trình hòa giải và tự khai tại tòa, ông G cho rằng số tiền 192.440.000đ mà Doanh nghiệp TS khởi kiện công ty DN là do vợ ông là bà Phùng Thị V làm ăn kinh doanh ngoài, không liên quan đến hoạt động của Công ty DN nên bà Vân (vợ cũ ông G, đã ly hôn vào tháng 9/2017) phải chịu trách nhiệm trả nợ chứ không phải Công ty DN. Ông G thừa nhận mình chính là người đã bảo các tài xế đến lấy dầu tại doanh nghiệp TS và ông chính là người đã mang đến trả cho Doanh nghiệp TS số tiền 100.000.000đ và ghi vào sổ của ông Th nội dung "30/9 giang trả 100.000.000đ"

nhưng đây là ông làm theo chỉ đạo của vợ và đi trả tiền nợ giúp cho vợ, không liên quan đến công ty. Công ty DN có đổ dầu tại Doanh nghiệp TS nhưng đã trả hết tiền và lấy hóa đơn nên ông không đồng ý trả nợ như yêu cầu của nguyên đơn.

Các tài xế lái xe cho Công ty DN đến lấy dầu tại Doanh nghiệp TS là Hoàng Văn H, Trần Đình C, Bùi Văn T, Đặng Văn C (tèo), Nguyễn Minh T, Trần Minh T và Đặng Văn H thì những người này đều cho rằng mình đến lấy dầu tại doanh nghiệp TS theo sự chỉ đạo của ông G không phải bà V, mỗi lần lấy dầu đều có ghi vào sổ của doanh nghiệp TS còn việc trả tiền là giữa Công ty DN và Doanh nghiệp TS họ không liên quan.

Bà Phùng Thị V trình bày: bà và ông G đã ly hôn vào ngày 21/9/2017, bà không liên quan gì đến hoạt động của công ty và tiền dầu tại Doanh nghiệp TS, bà không đồng ý với trình bày của ông G và việc Doanh nghiệp TS kiện Công ty DN không liên quan đến bà.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty DN trả số tiền nợ là 188.440.000đ và lãi suất kể từ ngày nộp đơn khởi kiện đến nay.

Nhận thấy: Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Công ty TNHH một thành viên ngày 03/12/2015 đối với Công ty TNHH DN, thì người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Phan Văn G, ông G là người chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hoạt động của công ty ngoài ra không có ai khác. Ông G cho rằng số tiền doanh nghiệp TS khởi kiện ông là tiền do vợ ông làm ngoài không liên quan đến công ty nhưng ông không cung cấp được chứng cứ gì thể hiện việc kinh doanh riêng của bà V là việc gì cũng như việc ông làm theo sự chỉ đạo của bà V.

Trong tất cả những biên bản làm việc, hòa giải và tự khai mặc dù không thừa nhận số tiền Công ty DN nợ Doanh nghiệp TS nhưng ông G đều cho rằng chữ viết "30/9 giang trả 100.000.000đ" là của mình, cho thấy ông G biết nội dung được ghi trong sổ và mặc nhiên thừa nhận việc mình còn nợ Doanh nghiệp TS và việc này cũng phù hợp với lời khai của các tài xế lái xe cho Công ty DN và bà V. Hơn nữa, bà V và ông G đã ly hôn từ ngày 05/9/2017 và không còn chung sống với nhau nên ông G cho rằng ngày 30/9 trả nợ theo sự chỉ đạo của bà V là không phù hợp. Điều đó cho thấy ông G cố tình quanh co để trốn tránh trách nhiệm trả nợ cho Doanh nghiệp TS.

Bên cạnh đó, lần cuối cùng Doanh nghiệp TS xuất hóa đơn cho Công ty DN là ngày 25/8/2017 nhưng đến 30/9/2017 hai bên mới chốt lại số nợ và thể hiện trong sổ ghi của doanh nghiệp TS, do đó việc ông G cho rằng Công ty DN đã trả hết nợ cho Doanh nghiệp TS và đã lấy đầy đủ hóa đơn là không phù hợp.

Từ những chứng cứ nêu trên, đề nghị HĐXX

Căn cứ Điều 357, 430, 433, 440 Bộ Luật Dân Sự :

- Chấp nhận đơn khởi kiện của DN TS.

- Buộc Công ty DN phải trả cho ông Phùng Văn Thanh – Chủ Doanh nghiệp TS 188.440.0000đ và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Việc ông Phùng Văn Tha chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại TS yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH xây dựng DN phải trả cho Doanh nghiệp TS số tiền mua bán dầu là 188.440.000 đồng. Cả Doanh nghiệpTS và Công ty DN có đăng ký kinh doanh và được cấp giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật. Do vậy, xác định đây là vụ án Kinh doanh thương mại, quan hệ pháp luật nguyên đơn yêu cầu tòa án giải quyết là tranh chấp hợp đồng mua bán xăng dầu. Bị đơn là Công ty DN có trụ sở tại thôn 12, xã Ea Ô, huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk nên căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn là Doanh nghiệp TS khởi kiện yêu cầu Công ty DN phải thanh toán tổng số tiền nợ là 188.440.000 đồng và lãi suất phát sinh theo mức lãi suất 1%/01 tháng kể từ ngày Doanh nghiệp TS nộp đơn khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án.

Căn cứ vào lời trình bày của người đại diện theo pháp luật của bị đơn, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù giữa Doanh nghiệp TS và Công ty DN không giao kết với nhau bằng hợp đồng về việc mua bán xăng dầu nhưng căn cứ vào các hóa đơn giá trị gia tăng mà Doanh nghiệp TS đã giao cho Công ty DN, có cơ sở để xác định, Doanh nghiệp TS có thỏa thuận và bán dầu cho Công ty DN, việc không làm hợp đồng này là do các bên có thỏa thuận miệng với nhau cũng là do mối quan hệ anh em trong gia đình (trước khi ông G ly hôn với bà Phùng Thị V) nên các bên không lập hợp đồng mua bán và từ các hóa đơn Giá trị gia tăng do Công ty DN cung cấp, cho thấy Doanh nghiệp TS có giao hóa đơn giá trị gia tăng cho Công ty DN trước khi Công ty DN thanh toán tiền mua dầu cho Doanh nghiệp TS. Do đó xác định được có việc mua bán xăng dầu giữa Doanh nghiệp TS và Công ty DN tuy giữa các bên không có lập hợp đồng mua bán xăng dầu.

Tại sổ sách nợ dầu của ông Th là chủ Doanh nghiệp TS cung cấp có ghi nhận như sau:

30/9 cộng sổ:

1. *Hi: 28/8- 26/9 = 26.550.000*
2. *Tèo: 26/8 – 21/9 = 10.700.000*
3. *Hải: 15/9 – 22/9 = 10.000.000*
4. *Chương: 4/9 = 4.000.000đ*

nợ: 51.250.000
cũ: 203.990.000
còn nợ: 255.240.000.
30/9 giang trả: 100.000.000
Còn: 155.240.000.
Mới 37.200.000.

Cộng tổng nợ = 192.440.000

5. *Hi: 5/10 = 18.200*

6. Tèo: 10/10 = 7000
7. Tuấn: 6/10 = 8.000
8. Chương: 4.000
20/10 cộng nợ mới = 37.200

Trong quá trình làm việc của ông G xác định tiền nợ dầu là của cá nhân ông chứ không phải của Công ty DN, việc nợ tiền dầu với số tiền 188.400.000 đồng là số nợ của bà Phùng Thị V làm ăn kinh doanh ngoài không liên quan đến Công ty DN nên bà V phải có trách nhiệm trả nợ, số tiền ngày 30/9 G trả là theo sự chỉ đạo của bà V đến trả nợ cho Doanh nghiệp TS thì HĐXX nhận định như sau:

Thứ nhất, Căn cứ giấy phép thành lập doanh nghiệp và Điều lệ hoạt động của Công ty DN xác định ông Phan Văn G là giám đốc và là người đại diện theo pháp luật của Công ty DN mọi hoạt động của công ty là do ông quản lý điều hành, Công ty DN có đăng ký kinh doanh lĩnh vực xây dựng và vận tải hàng hóa bằng đường bộ, qua lời khai của các tài xế họ đều thừa nhận là người trực tiếp chạy xe cho Công ty DN và có đổ dầu tại Doanh nghiệp TS theo sự chỉ đạo của ông G, Mặt khác việc mua bán dầu giữa doanh nghiệp và công ty diễn ra một thời gian lâu được thể hiện qua việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng giữa Doanh Nghiệp TS và Công ty DN được xuất phát từ cuốn sổ ghi nợ dầu do Doanh nghiệp TS lập, việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng là cho Công ty DN chứ không phải cho cá nhân ông Giang việc này cũng chính được ông Giang thừa nhận có việc xuất hóa đơn cho Công ty DN trong đó có 08 hóa đơn giá trị gia tăng gồm: Hóa đơn giá trị gia tăng ngày 17/7/2017 ; Hóa đơn giá trị gia tăng số 809 ngày 23/7/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 816 ngày 26/7/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 821 ngày 28/7/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 828 ngày 31/7/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 837 ngày 04/8/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 858 ngày 14/8/2017; Hóa đơn giá trị gia tăng số 881 ngày 25/8/2017 và đã trả đủ tiền theo các hóa đơn này, do đó xác định được việc mua bán xăng dầu của Doanh Nghiệp TS với Công ty DN chứ không phải là cá nhân ông Phan Văn Giang.

Thứ hai, việc ông Giang cho rằng việc Doanh nghiệp TS xuất hóa 08 hóa đơn giá trị gia tăng là đã trả hết nợ cho Doanh Nghiệp TS rồi nhưng đối chiếu với sổ sách nhận nợ xác định việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng số 881 ngày 25/8/2017 là hóa đơn cuối cùng, nhưng trong sổ ghi nợ xác định là vào ngày 30/9 G trả 100.000.000 đồng và xác nhận còn nợ lại số tiền 155.240.000 đồng, nên xác định số tiền này Công ty DN chưa thanh toán cho Doanh nghiệp TS, còn số tiền còn lại là 37.200.000 đồng phía nguyên đơn xác định là đã cộng 4.000.000 đồng C đổ dầu vào số tiền 155.240.000 đồng rồi nên số tiền chưa xuất hóa đơn xác định là còn lại 33.200.000 đồng, đối với số tiền này các tài xế lái xe cho Công ty DN xác định là đổ theo sự chỉ đạo của ông G chạy xe để phục vụ mục đích kinh doanh của Công ty DN chứ không phải cá nhân ai hết, do đó xác định số tiền 33.200.000 đồng là của công ty DN còn nợ Doanh nghiệp TS là phù hợp.

Thứ ba, Ông Phan Văn G cho rằng việc nợ số tiền dầu mà nguyên đơn khởi kiện là do vợ ông làm ăn ngoài chứ không phải cho công ty, số tiền 100.000.000 đồng trả 30/9 là do chỉ đạo của bà V ông không liên quan đến việc này. HĐXX nhận định như sau: ông Phan Văn G và bà Phùng Thị V được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải

quyết ly hôn theo quyết định số 228/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2017, là trước thời điểm ngày 30/9/2017 ông G chốt sổ nợ dầu với Doanh nghiệp TS, bản thân bà V không biết và không thừa nhận việc này, qua lời khai của các tài xế xác định không có làm ăn với bà V mà chỉ làm việc cho Công ty DN theo sự chỉ đạo của ông Phan Văn G, bản thân ông G không đưa ra bất kỳ chứng cứ gì chứng minh số nợ này là của bà V hay việc bà V có làm ăn kinh doanh cùng với Công ty DN. Do đó không có căn cứ để chấp nhận đối với yêu cầu này của bị đơn.

Qua phân tích trên xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và Công ty DN còn nợ Doanh nghiệp TS số tiền nợ xăng dầu chưa thanh toán với số tiền là 188.440.000 đồng là phù hợp với các chứng cứ do các bên cung cấp.

[3] Về lãi suất chậm thanh toán: Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa ngày hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tính suất 1%/01 tháng đối với số tiền mua dầu Công ty DN chưa thanh toán kể từ ngày Doanh nghiệp TS nộp đơn khởi kiện cho đến khi giải quyết xong vụ án. Xét việc nguyên đơn yêu cầu lãi suất chậm thanh toán đối với mức lãi suất 01%/01 năm là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật thương mại 2005 và Án lệ số 09/2016/AL được Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17 tháng 10 năm 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao. Nội dung án lệ như sau:

"Tiền lãi do chậm thanh toán được tính theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường bằng mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của ít nhất ba Ngân hàng tại địa phương tại thời điểm thanh toán (xét xử sơ thẩm), trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Đối chiếu với Điều luật và Án lệ qua xác minh lãi suất nợ quá hạn của 03 Ngân hàng trên địa bàn huyện Ea Kar, tỉnh Đăk Lăk xác định lãi suất quá hạn của Ngân hàng TMCP Đông Á – Phòng giao dịch Ea Kar là 16,5%/năm; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Ea Kar là 15%/năm; Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam phòng giao dịch Ea Kar là 15%/năm. Như vậy lãi suất bình quân của 03 ngân hàng 15,5%/năm tức là 1,25%/01 tháng, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn thanh toán lãi suất do chận thanh toán theo mức 1%/ 01 tháng được tính từ ngày 24/7/2018 đến ngày 27/9/2019 là phù hợp với quy định của pháp luật, HĐXX cần chấp nhận.

Như vậy: Cần buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 24/7/2018 là ngày Tòa án thụ lý vụ án cho đến ngày 27/9/2019 là: [(188.440.000đồng x 1%) : 30 ngày x 427 ngày)] = 26.821.293 đồng.

Như vậy cần buộc Công ty DN phải có trách nhiệm trả cho Doanh nghiệp TS số tiền còn nợ là 188.440.000 đồng và tiền lãi chậm trả là 26.821.293 đồng. Tổng cộng là 215.261.293 đồng.

Về án phí*:* Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn công ty DN phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 3, Điều 144; Điều 147; Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166; Điều 280, Điều 430, 433, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 24, 50, 306, 319 luật Thương mại 2005; Án lệ số 09/2016/AL được hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Khoản 2, Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phùng Văn Th – Chủ Doanh nghiệp tư nhân thương mại TS.

Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng DN phải có nghĩa vụ trả cho ông Phùng Văn Th – Chủ doanh nghiệp tư nhân thương mại TS số tiền mua bán xăng dầu chưa thanh toán là 188.440.000 đồng và số tiền lãi suất chậm trả là 26.821.293 đồng. Tổng cộng là **215.261.293** đồng (*Hai trăm mười năm triệu hai trăm sáu mươi mốt ngàn hai trăm chín mươi ba đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo ngày 28/9/2019 đến khi thi hành án xong, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

**** Về án phí:*** Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng DN phải chịu 10.763.064 đồng án phí dân sự sơ thẩm (theo mức: 215.261.293 đồng x 5%).

Hoàn trả lại cho Doanh nghiệp tư nhân thương mại TS số tiền 4.800.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0004469 ngày 24 tháng 7 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

***Quyền kháng cáo**: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nguyên đơn, Bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đăk Lăk;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar,
- Chi cục THADS huyện Ea Kar;
-Các đương sự ;
-Lưu: HS, VP .

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa